TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2018/DS-PT
Ngày: 08-10-2018
Về việc "T/c về bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Trần Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:* Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2018 và ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 94/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp dân sự về bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS-ST, ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố LX bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 187/2018/QĐXXPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1. 1. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1951

Địa chỉ: C2-3 đường L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

1. 2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953

Địa chỉ: Nhà B2, Khu I Đại học CT, đường 30/4, phường HL, quận NK, thành phố CT.

1. 3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số 125A7, khóm BK2, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang.

1. 4. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1961

Địa chỉ: Lô E3 đường L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

1. 5. Bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 3D đường L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

1. 6. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1958

1. 7. Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1968

1. 8. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Số C14 đường L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Tạm trú: C3 L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

1. 9. Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 449/23 khóm BT, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang.

1. 10. Bà Cao Thị Th, sinh năm 1929 (chết năm 2014).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Th gồm:

- Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1951

Địa chỉ: C2-3 đường L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953

Địa chỉ: Nhà B2, Khu I Đại học CT, đường 30/4, phường HL, quận NK, thành phố CT.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số 125A7, khóm BK2, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1961

Địa chỉ: Lô E3 đường L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị Kim S, sinh nằm 1963

Địa chỉ: Số 3D đường L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1958

- Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1968

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Số C14 đường L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Tạm trú: C3 L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 449/23 khóm BT, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C, bà L, bà N, bà H, bà S, ông Tr, bà T, bà D: Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số C14 đường L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang, văn bản ủy quyền lập ngày 30/12/2015, có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1967

- Bà Trần Thị Vân Lo, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Số C13 đường L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Số 20/6 đường Nguyễn B, khu phố Nam Q 1, phường T Ph, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Trần Thị Vân Lo: ông Võ Đức T, sinh năm 1977; Địa chỉ: 114 lô 10 C/x Th Đ, phường 27, quận B Th, thành phố Hồ Chí Minh, văn bản ủy quyền lập ngày 12/3/2018, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn gồm: Bà Cao Thị Th, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim S, bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Minh Tr, ông Nguyễn Minh Q (sau đây gọi tắt là các nguyên đơn) cùng trình bày:

Ông Nguyễn Minh Qua và bà Cao Thị Thlà chủ sở hữu căn nhà tại địa chỉ: Số C14 đường L La, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là nhà C14). Nhà C14 được Phòng Quản lý đô thị thành phố LX cấp phép xây dựng theo Giấy phép số 342 ngày 13/10/1999, nhà có kết cấu bê tông cốt thép, 02 tầng, mái tole, nhà C14 xây dựng Ho thành vào năm 2000 và đưa vào sử dụng bình thường.

Đến năm 2007, nhà liền kề địa chỉ: Số C13 đường L La, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là nhà C13) thuộc chủ sở hữu của ông Nguyễn Xuân H và bà Trần Thị Vân Lo xây dựng với kết cấu 04 tầng, nhà xây dựng Ho thành năm 2007.

Đầu năm 2008, nhà C14 bắt đầu xuất hiện các vết nứt đi xiên xuống đất từ vách nhà liền kề với nhà C13, vì tình nghĩa hàng xóm nên ông Qua, bà Th tự khắc phục vết nứt. Sau đó, các vết nứt lại tiếp tục xuất hiện và ngày càng nhiều hơn.

Ngày 25/12/2008, ông Qua có đơn khiếu nại gửi đến chính quyền địa phương giải quyết.

Ngày 19/01/2009, cơ quan có thẩm quyền đến kiểm tra hiện trạng vết nứt và có lập biên bản.

Ngày 10/02/2009, Phòng quản lý đô thị thành phố LX có lập Biên bản hòa giải giữa đại diện nhà C14 và đại diện nhà C13. Sau khi thương lượng, đại diện nhà C13 đồng ý khắc phục, sửa chữa các vết nứt cho nhà C14, có ghi nhận trong biên bản hòa giải. Sau hòa giải, chủ nhà C13 không thực hiện sự thỏa thuận, không khắc phục, sửa chữa nhà C14, mà tự ông Qua, bà Th sửa chữa vết nứt. Tuy đã sửa chữa, nhưng các vết nứt tường, lún sụp nền (về phía liền kề nhà C13) dẫn tiếp diễn và càng rộng, sâu hơn; Các cửa nhà không đóng, mở được; Cột, đà xuất hiện các vết nứt.

Ngày 31/8/2009, ông Qua chết.

Ngày 04/01/2012, bà Th tiếp tục khiếu nại đến Thanh tra Sở Xây dựng tỉnh An Giang và đơn khiếu nại được chuyển đến Ủy ban nhân dân thành phố LX.

Ngày 17/4/2012, tổ chức hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường MB có sự chứng kiến của đại diện của các cơ quan gồm: Đội quản lý trật tự đô thị LX, Tổ trật tự đô thị phường MB, Phòng quản lý đô thị thành phố LX, tại phiên hòa giải hai bên thống nhất đề nghị chủ nhà C14 thuê đơn vị thẩm định xây dựng khảo sát, giám định nguyên nhân gây lún, sụp nhà C14.

Chủ nhà C14 thuê Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Xây dựng Bình Phương (sau đây được gọi tắt là Công ty Bình Phương) khảo sát, giám định. Công ty Bình Phương kết luận như sau: Nguyên nhân việc lún nền, nứt tường và có nguy cơ sập nhà C14 là do nhà C13 làm ảnh hưởng; Tổng Chi phísửa chữa, khắc phục là 692.424.325đ; Đồng thời, cho biết thêm: Nhà C14 vẫn còn tiếp tục lún với tốc độ gần 02cm/năm và trong 03 năm nữa sẽ không còn an toàn. Đại diện chủ sở hữu nhà C13 không đồng ý với kết luận của Công ty Bình Phương và không đồng ý bồi thường nên chủ sở hữu nhà C14 khởi kiện đến Tòa án.

Ngày 13/12/2013, Trung tâm Tư vấn và Kiểm định Xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh An Giang (sau đây được gọi tắt là Trung tâm Kiểm định Xây dựng tỉnh An Giang) ban hành Văn bản số 367/CV-KĐ với kiến nghị: Do kết cấu cột, dầm, tường bao che của công trình đang ở trạng thái nguy hiểm. Vì vậy, kiến nghị ông Nguyễn Minh Q và gia đình đang ở nhà C14 L La nhanh chóng di dời đến nơi ở khác để đảm bảo an toàn tính mạng cho người và vật chất trong gia đình.

Ngày 15/02/2014, chủ nhà C14 di dời đồ đạc và thuê căn nhà khác để ở. Hợp đồng thuê nhà với giá là 10.000.000đ/tháng, có chứng từ thuê nhà C1 và nhà C3 của chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Kim C.

Do đau buồn nên bà Th lâm bệnh và chết vào ngày 08/9/2014.

Ông H và bà Lo không đồng ý kết luận giám định của Công ty Bình Phương và có yêu cầu Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định Trung tâm Kiểm định Xây dựng tỉnh An Giang.

Ngày 21/11/2016, Trung tâm Kiểm định Xây dựng tỉnh An Giang kết luận: Nguyên nhân lún, nứt nhà C14 là do nhà C13 của ông H, bà Lo gây ra; Chi phísửa chữa, khắc phục là: 544.405.000đ.

Sau đó, chủ nhà C14 có yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Tân Việt (sau đây được gọi tắt là Công ty Tân Việt) lập dự toán chi phí cải tạo, sửa chữa nhà C14.

Ngày 07/12/2016, Công ty Tân Việt lập bảng dự toán chi phí cải tạo, sửa chữa nhà C14 là 729.303.639đ và thời gian sửa chữa, Ho thiện nhà C14 là 06 tháng.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông H và bà Lo phải bồi thường các khoản thiệt hại gồm:

- Chi phí khắc phục, sửa chữa nhà C14 là 729.303.639đ theo dự toán của Công ty Tân Việt.

- Chi phí thuê nhà ở mỗi tháng là 10.000.000đ, tính từ ngày 15/02/2014 cho đến khi xét xử.

- Chi phí tổn thất tinh thần của nguyên đơn là 180.000.000đ (tương đương 60 tháng lương, tính theo mức lương tối thiểu là 3.000.000đ/tháng).

- Chi phí thuê dịch vụ xin phép sửa chữa nhà C14 là 15.000.000đ (hiện tại nguyên đơn chưa thực hiện).

- Chi phí thiết kế bản vẽ sửa chữa nhà C14 với số tiền là 15.000.000đ (hiện tại nguyên đơn chưa thực hiện).

- Chi phí thuê nhà ở trong thời hạn 06 tháng sửa chữa nhà C14 theo dự toán của Công ty Tân Việt, mỗi tháng thuê nhà ở là 10.000.000đ.

- Chi phí di dời vật dụng gia đình từ nhà C14 đến nhà thuê là 20.000.000đ/lượt đi và về.

- Chi phí thuê Trung tâm Kiểm định Xây dựng tỉnh An Giang giám định nguyên nhân gây thiệt nhà C14 là 99.784.000đ.

Tạm tính đến ngày 15/02/2016, tổng cộng là 1.359.087.639đ.

Theo các tường trình của bị đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Trần Thị Vân Lo (Sau đây gọi tắt là bị đơn) và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của bị đơn trình bày:

Bị đơn không thừa nhận ý kiến và toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì các lý do sau:

- Nhà C13 được Ban Quản lý Dự án các Khu Dân cư LX duyệt bản vẽ thiết kế; Xây dựng đúng vẽ thiết kế và đảm bảo an toàn cho nhà liền kề, trong suốt quá trình thi công nhà C13 là 10 tháng không gây ra hiện tượng nứt, lún, sụp cho nhà C14 và không có sự khiếu nại của nhà liền kề. Đến nay nhà C13 vẫn an toàn, ổn định, không xuất hiện vết nứt, lún, sụp.

- Nhà C13 đã Ho thành 02 năm, đến năm 2009 chủ nhà C14 mới khiếu nại, sau thời gian 02 năm Ho công thì chủ nhà C13 không còn ràng buộc trách nhiệm.

- Ngày 19/01/2009 lập Biên bản ghi nhận hiện trạng nhà C14 khi đã xảy ra lún, nứt là không đủ cơ sở pháp lý, vì không có biên bản ghi nhận hiện trạng nhà C14 trước khi xây dựng nhà C13.

- Bị đơn có yêu cầu Tòa án ra Quyết định Trưng cầu giám định Trung tâm Kiểm định Xây dựng tỉnh An Giang, nhưng bị đơn không đồng ý kết luận của Trung tâm Kiểm định Xây dựng tỉnh An Giang, vì tự chủ nhà C14 liên hệ với Trung tâm Kiểm định Xây dựng tỉnh An Giang, không có ý kiến của Tòa án, quá trình thẩm định không có mặt bị đơn và không có sự đồng ý của bị đơn.

- Trong khoảng thời gian chủ nhà C14 khiếu nại, có nhiều công trình xung quanh nhà C14 xây dựng, nhà liền kề nhà C14 là nhà C12 và nhà C15 có thể gây ảnh hưởng nhà C14 nên chủ nhà C14 pH yêu cầu thẩm định nhà C15.

- Nhà C14 do chính người thân của chủ nhà C14 thiết kế và xây dựng nên không đảm bảo chất lượng xây dựng hoặc có thể do nhà C14 xây dựng trên vùng đất yếu, ao hồ, đầm lầy nên dẫn đến nguyên nhân gây lún, sụp nhà C14.

Nay bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Nguyên đơn trình bày:* Giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tính đến nay tổng các khoản thiệt hại là 1.619.087.639đ. Nay yêu cầu bị đơn pH bồi thường thiệt hại là 1.619.087.639đ.

- *Người đại diện của bị đơn trình bày:* Không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do:

+ Việc thay đổi phương pháp giám định không có sự đồng ý của bị đơn và Tòa án. Bị đơn không đồng ý phương pháp giám định: Kết hợp đục tường xây bó nền của nhà C14 rồi dùng thanh thép cứng dò tới chạm mặt móng nhà C13 để đo Cều sâu chôn móng nhà C13.

+ Hồ sơ thiết kế xây dựng và hồ sơ Ho công nhà C14 so sánh với Kết luận của Trung tâm Kiểm định Xây dựng tỉnh An Giang thì thực tế nhà C14 xây dựng cột có kích thước nhỏ hơn hồ sơ thiết kế. Đây có thể là nguyên nhân gây lún, nứt nhà C14.

+ Toàn bộ khu vực đất đường L La là vùng ao, hầm nên rất yếu. Đây cũng có thể là gây lún, nứt nhà C14.

+ Nhà C12 và nhà C15 liền kề với nhà C14 nên có thể nhà C12 và nhà C15 gây lún, nứt nhà C14.

- *Nguyên đơn và người đại diện của bị đơn:* Cùng thống nhất không yêu cầu trưng cầu giám định lại nguyên nhân gây thiệt hại nhà C14 và Chi phíkhắc phục, sửa chữa nhà C14.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST, ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố LX:

Áp dụng khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Đ a khoản 1 Điều 92, Điều 93 và khoản 5 Điều 94, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 604, khoản 1 Điều 605, khoản 2 khoản 3 và khoản 4 Điều 608, Điều 627 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 1 và khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Nguyễn Xuân H và bà Trần Thị Vân Lo cùng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim S, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Minh Tr và ông Nguyễn Minh Q về:

+ Chi phí khắc phục, sửa chữa căn nhà tại địa chỉ: Số C14 đường L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang là 448.000.000đ;

+ Chi phí thuê nơi ở khác là 520.000.000đ;

+ Chi phí di dời đồ dùng gia đình là 11.000.000đ.

Tổng cộng là 979.000.000đ (Chín trăm bảy mươi chín triệu đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Phần chệnh lệch chi phí sửa chữa nhà là 281.303.639đ, phần chênh lệch chi phí thuê nơi ở khác chờ sửa chữa nhà là 30.000.000đ, phần chênh lệch chi phí di dời vật dụng là 9.000.000đ, phần chi phí thuê dịch vụ xin phép sửa chữa nhà là 15.000.000đ, phần chi phí thuê thiết kế bản vẽ sửa chữa nhà là 15.000.000đ và tổn thất tinh thần là 180.000.000đ.

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Xuân H và bà Trần Thị Vân Lo cùng có nghĩa vụ Ho trả cho bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim S, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Minh Tr và ông Nguyễn Minh Q chi phí giám định và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tổng cộng là 100.484.000đ.

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim S, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Minh Tr và ông Nguyễn Minh Q cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.515.000đ, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 34.886.000đ theo hai Biên lai nộp tạm ứng án phí số: 008547 ngày 18 tháng 4 năm 2013 và Biên lai nộp tạm ứng án phí số: 0010581 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

+ Bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim S, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Ngọc D,

ông Nguyễn Minh Tr và ông Nguyễn Minh Q được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp là 17.371.000đ theo hai Biên lai nộp tạm ứng án phí số: 008547 ngày 18 tháng 4 năm 2013 và Biên lai nộp tạm ứng án phí số: 0010581 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

+ Ông Nguyễn Xuân H và bà Trần Thị Vân Lo cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.370.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 của ông Nguyễn Xuân H làm đơn kháng cáo, không đồng ý toàn bộ nội dung và quyết định của bản án dân sự sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân thành phố LX xét xử vào ngày 06/3/2018, cụ thể:

- Về thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, thiếu người tham gia tố tụng.

- Về nội dung và quyết định: Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố LX tuyên buộc ông Nguyễn Xuân H và bà Trần Thị Vân Lo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Cao Thị Th và ông Nguyễn Minh Q tiền thiệt hại xây dựng do lún nứt, tiền thuê nhà trọ và các khoản chi phí khác là không đúng quy định của pháp luật.

Lý do kháng cáo: Do bản án dân sự sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng trình tự thủ tục tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án không đúng thực tế khách quan và không đúng quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Xuân H kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự và thủ tục phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố LX.

Phần tranh luận:

Bị đơn:

Về tư cách tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định các con của bà Th, ông Qua đều là nguyên đơn là sai tư cách tham gia tố tụng, vì cấp sơ thẩm thụ lý vụ án ngày 14/3/2013 sau khi ông Qua chết, thì chỉ xác định bà Th là nguyên đơn, còn các con của bà Th là người thừa kế quyền nghĩa vụ của ông Qua, không phải tư cách nguyên đơn.

Đối với bà Đoàn Thị Mỹ La, ông Nguyễn Chánh Tru cùng ở trong căn nhà do ông Q thuê, nhưng cấp sơ thẩm không vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót.

Ông Q là người Tru tiếp ký hợp đồng thuê nhà với bà C, số tiền thuê nhà 520.000.000đồng do ông Q là người Tru tiếp C trả cho bà C cùng là nguyên đơn trong vụ án, bà C đã nhận tiền thuê nhà, nhưng cấp sơ thẩm lại buộc bị đơn phải trả tiền thuê nhà cho bà C và các nguyên đơn khác là không khách quan, không đúng quy định của pháp luật, yêu cầu thẩm định lại giá thuê nhà. Ông Q có yêu cầu độc lập, yêu cầu bị đơn phải trả tiền thuê nhà (BL 84, 85) thì phải xác định ông Q là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ông Q cung cấp hợp đồng cho thuê nhà của bà C giá chỉ có 6.000.000đồng/tháng, nhưng cấp sơ thẩm buộc bị đơn pH bồi thường tiền thuê nhà giá 10.000.000đồng/tháng là không có cơ sở.

Tại Quyết định trưng cầu giám định ngày 05/9/2014 thì bà Th chưa chết, nhưng cấp sơ thẩm lại xác định các ông bà C, L, N, T, Sa, Đ, Ho, Tr là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Th là chưa chính xác.

Về thủ tục giám định:

Tại đề cương giám định ngày 08/10/2014 có nêu việc giám định chỉ được thực hiện khi có các bên thống nhất ký tên trong hợp đồng, nhưng hợp đồng giám định lại không có vợ chồng ông H ký tên. Tại Công văn số 71 ngày 20/3/2014 của Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng An Giang có ý kiến, nếu ông H không cho đào móng để kiểm tra, thì Trung tâm Tư vấn và kiểm định xây dựng không có đầy đủ cơ sở để xác định việc xây dựng nhà ông H có ảnh hưởng đến nhà của ông Q không, trong trường hợp ông H không cho đào móng nhà thì chỉ xác định chất lượng hiện trạng nhà của ông Q và lập dự toán Chi phísửa chữa hoặc xác định giá trị của căn nhà này tại thời Đ kiểm tra. Nhưng tại Báo cáo kết quả giám định chất lượng công trình số 16 ngày 21/11/2016 lại kết luận nguyên nhân gây lún nứt nhà ông Q là do việc xây dựng nhà ông H và kết luận giám định có nêu trước khi nhà ông H xây dựng thì nhà ông Q độ lún ổn định là không khách quan.

Ông Nguyễn Minh Qua có đơn khiếu nại ngày 25/12/2008 cho rằng trước đây nhà C15 có dùng thửa đất này làm bãi xe tải chạy vào làm rung chuyển nhà C14 có bị nứt các mép cột. Nhà C15 của Phan Qua Đ được xây dựng năm 2008, nhưng kết luận giám định không đề cập việc xây dựng nhà C15 có ảnh hưởng gì đến nhà C14 hay không. Yêu cầu triệu tập giám định viên Lê Hog M tham gia phiên tòa để giải thích rõ về báo cáo kết luận giám định số 16, yêu cầu cho trưng cầu giám định lại và hủy án sơ thẩm.

Nguyên đơn tranh luận:

Tại cấp sơ thẩm bị đơn cũng có đơn yêu cầu trưng cầu giám định tại Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng thuộc Sở Xây dựng An Giang nhưng lại không đồng ý với báo cáo kết luận giám định số 16, tại cấp phúc thẩm lại yêu cầu trưng cầu giám định lại là không có căn cứ. Nhà số C15 của ông Phan Qua Đ được xây dựng năm 2012, bị đơn cho rằng xây dựng năm 2008 là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ Luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Tại Kết luận giám định chất lượng công trình số 16, ngày 21/11/2016 của Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng thuộc Sở xây dựng tỉnh An Giang, xác

định: *Tải trọng móng nhà của ông H đã làm tăng ứng suất và tăng chiều sâu vùng ứng suất gây lún tại vị trí móng 1/A-F của nhà ông Q, gây ra lún lệch vượt quá giới hạn cho phép giữa móng 1/A-F (móng giáp ranh nhà ông H) và móng 2/A-F của nhà ông Q. Đây chính là nguyên nhân gây hư hỏng nhà ông Q*. Hơn nữa, quá trình cấp sơ thẩm giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 06/3/2018, đại diện ủy quyền cho bị đơn không yêu cầu giám định lại và cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc xây dựng nhà ông H không làm ảnh hưởng nhà ông Qua, bà Th.

Từ đó, cho thấy việc xây dựng nhà ở của ông H, bà Lo không bảo đảm an toàn gây hư hỏng đến nhà ở của nguyên đơn, như lún nền, nứt tường và làm xáo trộn sinh hoạt cho gia đình nguyên đơn. Do vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình nguyên đơn là có căn cứ và tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn cũng không cung cấp, bổ sung chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét.

Đối với kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân H cho rằng, cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục tố tụng như việc thu thập chúng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, thiếu người tham gia tố tụng: Trước khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét, thẩm định tại vị trí căn nhà ông Qua, bà Th C14 và căn nhà ông H, bà Lo C13 cùng tọa lạc đường L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang, Thẩm phán đã ra quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ và thông báo thời gian tiến hành và đã tống đạt cho gia đình ông H, bà Lo nhận và niêm yết đúng thủ tục. Tại thời Đ xem xét, thẩm định ngày 20/10/2017, cũng có sự tham gia chứng kiến, ký tên vào biên bản của ông Huỳnh Lâ là đại diện ủy quyền của phía gia đình ông H, bà Lo, việc khai nại trên của ông Nguyễn Xuân H là không có cơ sở để xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Xuân H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố LX; bị đơn Nguyễn Xuân H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Ông Nguyễn Xuân H kháng cáo và nộp tạm ứng án phí kháng cáo trong hạn nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H:

[2.1] Ông H cho rằng cấp sơ thẩm xác định các con của bà Th, ông Qua đều là nguyên đơn là sai tư cách tham gia tố tụng, cấp sơ thẩm thụ lý vụ án ngày 14/3/2013 sau khi ông Qua chết, thì chỉ xác định bà Th là nguyên đơn, còn các con

của bà Th là người thừa kế quyền nghĩa vụ của ông Qua, không phải tư cách nguyên đơn. Không đưa bà Đoàn Thị Mỹ La, ông Nguyễn Chánh Tr cùng ở trong căn nhà do ông Q thuê vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót.

Xét thấy: Ông Trần Minh Qua và bà Cao Thị Th là chủ sở hữu căn nhà số C14 đường L La, khóm BL1, phường MB, Tp. LX, An Giang. Ngày 09/10/1999 ông Qua được cấp phép xây dựng số 394/GPXD, công trình xây dựng là nhà ở ngang 5m x dài 18m theo bản vẽ thiết kế xây dựng số 342/99 được Phòng Quản lý đô thị duyệt ngày 13/10/1999. Ngày 12/3/2002 ông Qua, bà Th được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Theo hồ sơ thể hiện thì đầu năm 2009 ông Qua có khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền về việc nhà ông Nguyễn Xuân H, bà Trần Thị Vân Lo xây dựng nhà C13 giáp ranh làm ảnh hưởng đến nhà ông Qua. Ngày 31/8/2009 ông Qua chết đã phát sinh thừa kế của ông Qua, đến ngày 19/11/2012 bà Th khởi kiện (BL 38), ngày 14/3/2013 bà Th và các ông bà C, L, N, Ho, T, Sa, Tr, Q, D làm đơn khởi kiện bổ sung (BL 46) là Ho toàn đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2011. Hơn nữa, theo quy định tại Điều 62 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2011 và Điều 74 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nếu cá nhân đang tham gia tố tụng chết thì người kế thừa tham gia tố tụng, trường hợp này ông Qua chưa khởi kiện nên chưa thể xác định các con của ông Qua là người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Qua.

Đối với bà La, ông Tr tuy ở trong căn do ông Q thuê, nhưng các đương sự tranh chấp với nhau về bồi thường thiệt hại do nhà cửa công trình xây dựng khác gây ra, mà đối tượng tranh chấp liên quan đến căn nhà của bà Th, ông Qua, nên người chịu ảnh hưởng Tru tiếp bà Th và các con của bà Th, ông Qua, còn bà La, ông Tr chỉ ở trong nhà không liên quan gì đến tranh chấp giữa các bên, nên việc có đưa bà La, ông Tru vào tham gia tố tụng hay không cũng không cần thiết.

[2.2] Về việc ông H cho rằng do ông Q là người Tru tiếp C trả tiền thuê nhà cho bà C cùng là nguyên đơn trong vụ án, bà C đã nhận 520.000.000đồng tiền thuê nhà, nhưng cấp sơ thẩm lại buộc bị đơn phải trả tiền thuê nhà cho bà C và các nguyên đơn khác là không khách quan, yêu cầu thẩm định lại giá thuê nhà. Ông Q có yêu cầu độc lập yêu cầu bị đơn phải trả tiền thuê nhà (BL 84, 85) thì phải xác định ông Q là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Nhận thấy: Căn cứ vào Công văn số 367/CV-KĐ ngày 04/12/2013 của Trung tâm Kiểm định và Xây dựng tỉnh An Giang về việc khảo sát hiện trạng nhà C14 có kiến nghị gia đình đang ở trong nhà C14 nhanh chóng di dời đến nơi ở khác để đảm bảo an toàn tính mạng cho người và vật chất trong gia đình. Do đó các thành viên trong nhà C14 thuê nhà khác ở và chứa vật dụng trong gia đình là phù hợp.

Bà C là chủ sở hữu căn nhà C1 và C3, đường L La, ông Q ký 4 hợp đồng thuê nhà với bà C, tổng số tiền thuê nhà 520.000.000đồng đều do ông Q trả cho bà

C, nếu ông Q không thuê nhà của bà C thì cũng phải thuê nhà của người khác để ở và phải trả tiền thuê nhà. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả số tiền thuê nhà cho tất cả các nguyên đơn, trong đó có bà C, nhưng ông Q và các nguyên đơn khác đều không kháng cáo. Ông Q đã tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là nguyên đơn và thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Th nên không thể tham gia với tư cách là người liên quan trong vụ án.

[2.3] Ông H cho rằng ông Q cung cấp hợp đồng cho thuê nhà của bà C giá chỉ có 6.000.000đồng/tháng, nhưng cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải bồi thường tiền thuê nhà giá 10.000.000đồng/tháng là không có cơ sở.

Căn cứ vào chứng cứ là hợp đồng thuê nhà ngày 28/6/2013 giữa bà Nguyễn Thị Kim C với tổ chức CARE Quốc tế tại Việt Nam, thì bà C cho Tổ chức này thuê tầng một của ngôi nhà giá đã là 6.000.000đồng/tháng, còn đối với gia đình ông Q với 7 nhân khẩu và các vật dụng gia đình thì giá bà C cho ông Q thuê 2 tầng 10.000.000đồng/tháng là phù hợp.

[2.4] Tại Quyết định trưng cầu giám định ngày 05/9/2014 thì bà Th chưa chết, nhưng cấp sơ thẩm lại xác định các ông bà C, L, N, T, Sa, Đ, Ho, Tr là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Th là chưa chính xác, tuy nhiên đây không phải là vi phạm nghiêm trọng tố tụng như phía bị đơn trình bày và cũng không ảnh hưởng gì đến quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2.5] Ông H kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục tố tụng như việc thu thập chúng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, thì thấy: Vào ngày 02/10/2017, cấp sơ thẩm đã có ban hành Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ số 38/2017/QĐ-XXTĐTC và đã có gửi thông báo cho các đương sự về thời gian tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với hai căn nhà số C13 và C14 đường L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX. Tại biên bản xem xét thẩm thẩm định tại chỗ ngày 20/10/2017, có sự tham gia chứng kiến, ký tên vào biên bản của ông Huỳnh Lân là người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà Lo theo văn bản ủy quyền ngày 11/10/2017. Ngoài ra, còn có các thành phần khác tham gia theo quy định tại Điều 101 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, do đó lời khai nại trên của ông H là không có cơ sở.

[2.6] Đối với việc ông H nêu ra nhiều lý do cho rằng Báo cáo kết quả giám định chất lượng công trình số 16/KĐ-XD ngày 21/11/2016 của Trung tâm Tư vấn và Kiểm định Xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh An Giang là chưa khách quan:

Xét thấy: Ngày 02/10/2010 đại diện ông H có nộp đơn yêu cầu triệu tập giám định viên ông Lê Hoàng Mi tham gia phiên tòa để giải thích kết luận trong Báo cáo kết quả giám định chất lượng công trình số 16/KĐ-XD ngày 21/11/2016. Trong thời gian nghị án, Hội đồng xét thấy cần thiết pH triệu tập các giám định viên tham gia thực hiện giám định để xem xét thêm chứng cứ, gồm các kỹ sư: Hồ Thanh H, Lữ Hog Lộ, Huỳnh Trần Phi Ln, Phó phòng Thí nghiệm và kiểm định ông Huỳnh Quang Đ và giám định viên Lê Hoàng Mi.

Tại phiên tòa ngày 08/10/2018 có mặt ông Huỳnh Quang Đ, Hội đồng xét xử quyết định trở lại phần xét hỏi, ông Đ trình bày: *"Căn cứ vào Thông tư*

04/2014/TT- BXD ngày 22/4/2014 hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng thì không cần thiết phải có đầy đủ nguyên đơn, bị đơn ký tên vào hợp đồng giám định, Trung tâm Tư vấn và Kiểm định Xây dựng tỉnh An Giang vẫn tiến hành giám định được. Công văn số 71 ngày 20/3/2014 của Trung tâm Ho toàn không mâu thuẫn với báo cáo kết quả giám định chất lượng công trình số 16/KĐ-XD ngày 21/11/2016, vì lúc đầu hai bên không thống nhất, nhưng sau đó hai bên đã thống nhất lựa chọn Trung tâm tiến hành giám định. Nếu bị đơn cho đào móng nhà thì việc giám định nhiều công đoạn hơn, còn về phương pháp giám định vẫn không thay đổi, chứ không phải không giám định được. Căn cứ vào hiện trạng thực tế thì nhà của ông Q Ho toàn nghiêng lún về phía nhà ông H mà không ghiêng về phía nhà C15".

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định tại Trung tâm Tư vấn và Kiểm định Xây dựng tỉnh An Giang. Ngày 24/7/2013 phía bị đơn cũng có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định tại Trung tâm Tư vấn và Kiểm định Xây dựng tỉnh An Giang do không đồng ý với kết luận giám định của Công ty Bình Phương do nguyên đơn tự yêu cầu (BL 213) và tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 09/10/2013 (BL 392) người đại diện cho bị đơn cũng có đề nghị Tòa án trưng cầu giám định khách quan của Trung tâm Tư vấn và Kiểm định thuộc Sở Xây dựng tỉnh An Giang để có kết quả khách quan.

Như vậy giữa nguyên đơn, bị đơn đã có sự thống nhất về việc lựa chọn tổ chức giám định. Cấp sơ thẩm đã có Quyết định trưng cầu giám định số 07/2014/QĐ-TCGĐ ngày 05/9/2014, tại Trung tâm Tư vấn và Kiểm định Xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh An Giang theo sự thống nhất của các đương sự, bị đơn cũng không có khiếu nại gì. Tuy nhiên, phía bị đơn không hợp tác để Trung tâm Tư vấn và Kiểm định Xây dựng tiến hành giám định.

Sau khi có Báo cáo giám định chất lượng công trình số 16/KĐ-XD ngày 21/11/2016, cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải lại (BL 405) thì bị đơn không đồng ý với kết luận giám định của Trung tâm Tư vấn và Kiểm định Xây dựng tỉnh An Giang, nêu ra rất nhiều lý do phủ nhận Báo cáo số 16/KĐ-XD ngày 21/11/2016 nhưng không yêu cầu trưng cầu giám định lại, cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm cũng đã tạo điều kiện cho bị đơn thực hiện quyền yêu cầu giám định lại, nhưng bị đơn cũng không đồng ý thực hiện. Tại cấp phúc thẩm bị đơn mới yêu cầu cho trưng cầu giám định lại là không có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

Căn cứ vào Báo cáo kết quả giám định chất lượng công trình số 16/KĐ-XD ngày 21/11/2016 Trung tâm Tư vấn và Kiểm định Xây dựng thuộc Sở xây dựng tỉnh An Giang, kết luận: "*Khi nhà C13 chưa xây dựng thì độ lún và lún lệch giữa móng trục 1 và trục 2 của nhà C14 theo tính toán vẫn nằm trong giới hạn cho phép theo Tiêu chuẩn Việt Nam 9362: 2012; Do tải trọng móng nhà C13 đã làm tăng ứng suất và tăng Cều sâu vùng ứng suất gây lún tại vị trí móng 1/A-F của nhà C14 gây ra lún lệch vượt quá giới hạn cho phép giữa móng 1/A-F (là móng giáp ranh nhà C13) và móng 2/A-F của nhà C14. Đây là nguyên nhân gây hư hỏng nhà*

C14”. Như vậy căn cứ vào kết luận giám định đã xác định nguyên nhân gây hư hỏng nhà C14 là do nhà C13 gây ra.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, phía bị đơn có nêu ý kiến nhà C15 của ông Phan Qua Đ liền kề với nhà C14, xây dựng năm 2008 nên có thể nhà C15 gây lún, nứt nhà C14. Bị đơn có yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là giấy phép xây dựng nhà C15 và hồ sơ xây dựng nhà C12, nhà C14 và nhà C15 để xác định thời Đ xây dựng các căn nhà C12, C14, C15 và tính hợp pháp của các hồ sơ xây dựng trên. Cấp phúc thẩm đã thu thập chứng cứ theo yêu cầu của phía bị đơn thì thấy nhà C15 của ông Phan Quang Đ liền kề với nhà C14 của các nguyên đơn được cấp phép xây dựng vào ngày 12/3/2012 sau khi nhà các nguyên đơn có hiện tượng lún nứt được thể hiện tại biên bản ghi nhận hiện trạng lún nứt nhà ông Qua ngày 19/01/2009, biên bản về việc giải quyết khiếu nại của ông Qua ngày 10/02/2009.

Hơn nữa, cấp phúc thẩm cũng tiến hành ghi nhận ý kiến của ông Phan Qua Đ thì ông Đ cho biết “*Trước khi chúng tôi tiến hành xây dựng nhà thì nhà số C14 của bà Cao Thị Th (giáp với phần đất 110,0m^2 của tôi) đã có rất nhiều vết nứt lớn. Lúc đó tôi có chụp hình lại các vết nứt của nhà bà Th vào ngày 23/02/2012, có bà Th và tôi cùng ký tên xác nhận vào mỗi tấm hình, tổng cộng là 63 tấm ảnh kèm theo”*. Ông Đ có cung cấp 63 tấm ảnh do ông chụp các vết nứt nhà bà Th vào ngày 23/02/2013, tất cả các tấm ảnh đều có ông Đ và bà Th cùng ký tên xác nhận. Như vậy, bị đơn cho rằng việc xây dựng nhà C15 gây lún nứt nhà C14 là không có cơ sở, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ khác để chứng minh.

Đối với nhà C14 của các nguyên đơn thì giấy phép và hồ sơ xây dựng đã được cấp sơ thẩm thu thập đầy đủ. Còn nhà C12 giáp ranh với nhà C13 của ông H thì không liên quan đến vụ án, do đó bị đơn yêu cầu thu thập chứng cứ liên quan đến việc xây dựng nhà C12 là không cần thiết.

Từ những nhận định trên, căn cứ vào Báo cáo kết quả giám định chất lượng công trình số 16/KĐ-XD ngày 21/11/2016 Trung tâm Tư vấn và Kiểm định Xây dựng thuộc Sở xây dựng tỉnh An Giang, cấp sơ thẩm xác định nguyên nhân gây hư hỏng nhà C14 của các nguyên đơn là do nhà C13 của các bị đơn gây ra là có cơ sở. Như vậy, bị đơn đã có lỗi nên phải có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn tất cả các thiệt hại như: chi phí khắc phục, sửa chữa nhà C14 là 448.000.000đ, chi phí thuê nơi ở khác từ ngày 15/02/2014 đến ngày 14/5/2018 và chi phí chờ khắc phục sửa chữa nhà là 520.000.000đ, chi phí di dời đồ đạc của nhà C14 đến nơi ở khác và từ nơi ở khác về lại nhà C14 là 11.000.000đ. Tổng cộng chi phí các bị đơn phải bồi thường cho các nguyên đơn 979.000.000đ và phải trả lại cho các nguyên đơn toàn bộ các chi phí tố tụng nguyên đơn đã tạm ứng trước là có cơ sở. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố LX.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 310, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST, ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố LX.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Nguyễn Xuân H và bà Trần Thị Vân Lo cùng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim S, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Minh Tr và ông Nguyễn Minh Q về:

+ Chi phí khắc phục, sửa chữa căn nhà tại địa chỉ: Số C14 đường L La, khóm BL1, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang là 448.000.000đ;

+ Chi phí thuê nơi ở khác là 520.000.000đ;

+ Chi phí di dời đồ dùng gia đình là 11.000.000đ.

Tổng cộng là 979.000.000đ (Chín trăm bảy mươi chín triệu đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Phần chệnh lệch chi phí sửa chữa nhà là 281.303.639đ, phần chênh lệch chi phí thuê nơi ở khác chờ sửa chữa nhà là 30.000.000đ, phần chênh lệch chi phí di dời vật dụng là 9.000.000đ, phần chi phí thuê dịch vụ xin phép sửa chữa nhà là 15.000.000đ, phần chi phí thuê thiết kế bản vẽ sửa chữa nhà là 15.000.000đ và tổn thất tinh thần là 180.000.000đ.

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Xuân H và bà Trần Thị Vân Lo cùng có nghĩa vụ Ho trả cho bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim S, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Minh Tr và ông Nguyễn Minh Q chi phí giám định và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tổng cộng là 100.484.000đ.

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim S, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Minh Tr và ông Nguyễn Minh Q cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.515.000đ, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 34.886.000đ theo hai Biên lai nộp tạm ứng án phí số: 008547 ngày 18/4/2013 và Biên lai nộp tạm ứng án phí số: 0010581 ngày 27/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

+ Bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim S, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Minh Tr và ông Nguyễn Minh Q được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp là 17.371.000đ theo hai Biên lai nộp tạm ứng án phí số: 008547 ngày 18/4/2013 và Biên lai nộp tạm ứng án phí số: 0010581 ngày 27/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

+ Ông Nguyễn Xuân H và bà Trần Thị Vân Lo cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.370.000đ.

Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Xuân H pH chịu án phí phúc thẩm là 300.000đồng, được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí số 0005083 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX (BL 503).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bị đơn chưa thanh toán các khoản tiền nêu trên, thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Bản án được thông qua tại phòng nghị án).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND - AG;
- TAND - LX;
- THA - LX;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phượng